

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 331/2020/DS-ST

Ngày: 18/9/2020

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Doãn Thị Nga**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/Bà **Nguyễn Thị Kính**

2/Bà **Thái Thực Hiền**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hứa Hồng Đào** - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà **Dương Thị Thanh Nhàn** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 412/2019/TLST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 146/2020/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 117/2020/QĐST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng SGTT

Trụ sở: 266-268 NKKN, Phường H, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Mai Ng, sinh năm 1995 là người đại diện theo ủy quyền (Theo văn bản ủy quyền số 510/2020/GUQ-CNQ5 ngày 11/7/2019). (vắng mặt)

Bị đơn: Ông Trịnh Huỳnh M, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: 762B Ba Đình, Phường 10, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/7/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng SGTT (Gọi tắt ngân hàng Sài Gòn Thương Tín) do ông Mai Ng là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 10/6/2015 Ngân hàng SGTT và ông Trịnh Huỳnh M có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ vào thu nhập của ông M, Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng JCB Motor Card Classic 356480-4825 với hạn mức tín dụng là 10.000.000 đồng. Mục đích sử dụng nguồn tiền cho tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng ông M đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 24.995.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ ông M đã thanh toán nhiều lần cho Ngân hàng với tổng số tiền là 16.109.000 đồng. Do ông M thực hiện các giao dịch nhưng thanh toán tiền trễ hạn nên khi ông M trả tiền phía ngân hàng ưu tiên trừ tiền lãi và tiền phí trước sau đó mới trừ vào tiền gốc. Kể từ ngày 29/02/2016 ông M ngưng không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào dù ngân hàng SGTT nhiều lần nhắc nhở. Căn cứ vào các điều khoản thỏa thuận tại giấy cấp thẻ, ngày 28/12/2015 ngân hàng SGTT đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ đối với ông M. Toàn bộ số dư nợ còn thiếu của ông M, ngân hàng chuyển sang nợ quá hạn theo quy định tại Điều 23 của hợp đồng phát hành sử dụng thẻ tín dụng.

Nay ngân hàng SGTT khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Trịnh Huỳnh M phải thanh toán số tiền 34.637.040 đồng (trong đó nợ gốc là 11.541.014 đồng và nợ lãi là 23.096.026 đồng), thanh toán một lần ngay sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Trịnh Huỳnh M trình bày:

Ông xác nhận có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với ngân hàng SGTT và được cấp 01 thẻ tín dụng JCB Motor Card Classic 356480-4825 với hạn mức tín dụng là 10.000.000 đồng. Ông xác nhận quá trình sử dụng thẻ đã thực hiện nhiều giao dịch và đã thanh toán số tiền đúng như trình bày của đại diện ngân hàng SGTT. Ông ngưng thanh toán nợ từ tháng 02/2016. Ông xác nhận số nợ đến ngày 05/6/2019 là 27.856.820 đồng như bảng sao kê phía Ngân hàng đã cung cấp cho Tòa án. Ông đồng ý thanh toán nợ theo yêu cầu của Ngân hàng. Tuy nhiên, hiện nay ông rất khó khăn về kinh tế nên không có điều kiện trả một lần mà xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 phát biểu quan điểm:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng. Do bị đơn cư trú tại Quận 8 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8.

Về thời hạn tố tụng: Thẩm phán vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử được quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về người tham gia tố tụng: Xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng.

Về thu thập chứng cứ: Thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền vay còn thiếu theo hợp đồng tín dụng thẻ hai bên đã ký kết cùng tiền lãi tổng cộng số tiền là 34.637.040 đồng và thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Căn cứ đơn khởi kiện, hợp đồng tín dụng thẻ và lời trình bày của nguyên đơn, chứng cứ thu thập. Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét, đơn khởi kiện của nguyên đơn, Hợp đồng cấp thẻ tín dụng ký ngày 10/6/2015 giữa ngân hàng SGTT với ông M, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng thẻ. Do bị đơn cư ngụ tại Quận 8, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt:

Nguyên đơn do ông Mai Ng là đại diện theo ủy quyền có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Ông Trịnh Huỳnh M đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Xét, ngân hàng SGTT yêu cầu ông Trịnh Huỳnh M phải thanh toán số tiền còn thiếu là 34.637.040 đồng (trong đó nợ gốc là 11.541.014 đồng và nợ lãi là 23.096.026 đồng). Thanh toán một lần ngay sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật. Ông M đồng ý trả số tiền còn nợ trên nhưng xin trả dần vì hiện tại ông rất khó khăn về kinh tế.

Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ Hợp đồng tín dụng thẻ hai bên ký ngày 10/6/2015. Trong quá trình sử dụng thẻ ông M đã thanh toán cho phía ngân hàng SGTT tổng số tiền là 16.109.000 đồng. Ông M ngưng thanh toán cho ngân hàng từ tháng 02/2016 cho đến nay. Do đó ông M đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ được cam kết trong hợp đồng tín dụng thẻ, phía ngân hàng SGTT gửi văn bản nhắc nợ nhưng ông M vẫn chưa thanh toán tiếp. Căn cứ các Điều 91, Điều 95 Luật

các tổ chức tín dụng năm 2010, yêu cầu của nguyên đơn ngân hàng SGTT là có cơ sở để chấp nhận.

[4] Về thời hạn thanh toán:

Xét, ngân hàng SGTT yêu cầu ông M thanh toán một lần số tiền nợ gốc và nợ lãi còn thiếu ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ hợp đồng tín dụng thẻ hai bên ký kết, ông M ngừng thanh toán từ tháng 3/2013 đến nay là vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng thẻ. Căn cứ Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 yêu cầu của nguyên đơn ngân hàng SGTT là có cơ sở để chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn ngân hàng SGTT được chấp nhận nên bị đơn ông M phải chịu án phí trên số nợ phải thanh toán là $34.637.040 \text{ đồng} \times 5\% = 1.731.852 \text{ đồng}$.

Hoàn lại cho ngân hàng SGTT tiền tạm ứng án phí là 695.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng SGTT.

Buộc ông Trịnh Huỳnh M có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng SGTT số tiền là 34.367.040 đồng (trong đó nợ gốc là 11.541.014 đồng và nợ lãi là 23.096.026 đồng). Tiền lãi này tính đến ngày 17/9/2020.

Thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 18/9/2020 ông M phải chịu tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng thẻ ngày 10/6/2015 cho đến khi thi hành xong các khoản nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm là 1.731.852 đồng, ông Trịnh Huỳnh M phải chịu án phí, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn lại cho Ngân hàng SGTT số tiền 695.000 đồng theo biên lai thu số 0012138 ngày 06/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND.TPHCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Doãn Thị Nga